SỞ TÀI CHÍNH HÀ TĨNH
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH CÔNG

Số: 429 /TrTTCC-MSTT

V/v đăng tải công khai mua sắm tập trung đợt 2 năm 2019 (mua sắm thiết bị văn phòng, thiết bị y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 7 năm 2019

Kính gửi:
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh,

Căn cứ khoản 3 Điều 76 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh kính đề nghị Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh đăng tải công khai mua sắm tài sản Nhà nước theo phương thức tập trung đợt 2 năm 2019 (mua sắm thiết bị văn phòng, thiết bị y tế).

(Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Danh mục tài sản đăng ký nhu cầu mua sắm kèm theo)

Kính đề nghị Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Phó Giám đốc TrTTCC;
- Lưu VT, HSĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HÀ TĨNH
TRUNG TÂM TƯ VẤN-D.VỤ TÀI CHÍNH CÔNG TỈNH HÀ TĨNH

Lê Viết Cường

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC THIẾT BỊ VĂN PHÒNG

(Kèm theo Tờ trình số: 129 /TTr-TrTTCC ngày 02/7/2019 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)

Số TT	Tên tài sản / Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	**THIẾT BỊ VĂN PHÒNG (Định mức tiêu chuẩn theo QĐ số 50/2017/QĐ-TTg)**				
I	**Máy vi tính để bàn**				
1	**Bộ máy vi tính để bàn MTĐB1**	Bộ	15	9.500.000	142.500.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Bộ	8		
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật - sở Y tế	Bộ	7		
2	**Bộ máy vi tính đê bàn MTĐB2**	Bộ	11	11.000.000	121.000.000
	Thanh tra, huyện Vũ Quang	Bộ	1		
	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới huyện Vũ Quang	Bộ	1		
	Phòng Tư pháp huyện Vũ Quang	Bộ	1		
	Văn phòng HĐND - UBND huyện Vũ Quang	Bộ	3		
	Phòng Nông nghiệp huyện Vũ Quang	Bộ	1		
	Phòng Y tế huyện Vũ Quang	Bộ	1		
	Phòng Lao động huyện Vũ Quang	Bộ	1		
	Phòng Nội vụ huyện Vũ Quang	Bộ	2		
3	**Máy tính để bàn MTĐB4**	Bộ	12	14.000.000	168.000.000

	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Nghi Xuân	bộ	12		
4	**Bộ máy vi tính để bàn MTĐB5**	Bộ	33	15.000.000	495.000.000
	Bệnh viện Nghi Xuân - Sở Y tế	Bộ	5		
	Công an tỉnh Hà Tĩnh	Bộ	28		
5	**Bộ lưu điện 500VA**	Cái	2	1.500.000	3.000.000
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật - sở Y tế	Cái	2		
II	**Máy tính xách tay**				
1	**Máy tính xách tay MTXT3**	cái	3	13.000.000	39.000.000
	Văn phòng HĐND - UBND huyện Cẩm Xuyên	cái	3		
3	**Máy tính xách tay MTXT5**	cái	6	15.000.000	90.000.000
	Văn phòng Huyện Ủy Cẩm Xuyên	cái			
III	**Máy Photocopy**				
1	**Máy Photocopy MPT1**	cái	1	28.000.000	28.000.000
	Trung tâm YTDP huyện Lộc Hà	cái	1		
2	**Máy Photocopy MPT2**	cái	1	31.000.000	31.000.000
	Trường THPT Lý Chính Thắng - Sở giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	cái	1		
3	**Máy Photocopy MPT6**	cái	2	90.000.000	180.000.000
	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế	cái	1		
	Văn phòng HĐND - UBND huyện Lộc Hà	cái	1		
B	**Bộ bàn ghế tiếp khách, làm việc, họp và tủ đựng tài liệu**				

I	**Bộ bàn ghế tiếp khách**				
1	**Bộ bàn ghế tiếp khách BH01**	Bộ	4	9.900.000	39.600.000
	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế	Bộ	1		
	Văn phòng Huyện Ủy Cẩm Xuyên		3		
2	**Bộ bàn ghế tiếp khách BH02**	Cái	2	5.000.000	10.000.000
	Hội đồng BT- HT-GPMB Thị xã Kỳ Anh		1		
	UBND xã Cẩm Nhượng huyện Cẩm Xuyên		1		
3	**Bộ bàn ghế tiếp khách khác**				
	Đài phát thanh và truyền hình Hà Tĩnh	Bộ	1	7.500.000	7.500.000
II	**Bàn làm việc**				
1	**Bàn làm việc BLV01**	Cái	32	1.630.000	52.160.000
	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Nghi Xuân	cái	12		
	UBND xã Xuân Liên huyện Nghi Xuân	cái	5		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Tài chính - Kế hoạch)	cái	3		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Văn phòng HĐND&UBND)	cái	2		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Giáo dục- Đào tạo)	cái	2		
	Hội đồng BT- HT-GPMB Thị xã Kỳ Anh	cái	6		
	Văn phòng HĐND - UBND huyện Cẩm Xuyên	cái	1		
	UBND xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên	cái	1		

2	**Bàn làm việc BLV02**	Cái	6	3.050.000	18.300.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ		6		
3	**Bàn làm việc BLV03**	Cái	7	3.990.000	27.930.000
	Văn phòng UBND huyện Hương Sơn	Cái	5		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Tài chính - Kế hoạch)		1		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng QLĐT& Kinh tế)		1		
4	**Bàn làm việc BLV04**	Cái	5	4.100.000	20.500.000
	Phòng Tài chính kế hoạch huyện Vũ Quang	cái	3		
	Phòng Nội vụ huyện Vũ Quang	cái	2		
5	**Bàn làm việc BLV05**	cái	9	5.150.000	46.350.000
	Văn phòng Huyện Ủy Cẩm Xuyên	Cái	4		
	Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Vũ Quang (bàn tiếp khách cho phòng chức danh)	cái	2		
	Phòng Nông nghiệp huyện Vũ Quang (bàn tiếp khách cho phòng chức danh)	cái	1		
	Văn phòng HĐND - UBND huyện Vũ Quang (bàn tiếp khách cho phòng chức danh)	cái	1		

	Phòng Lao động huyện Vũ Quang (bàn tiếp khách cho phòng chức danh)	cái	1		
6	**Bàn làm việc khác**				
	Mặt trận tổ quốc Thị xã Kỳ Anh	Cái	2	900000	1.800.000
	UBND xã Cẩm Nhượng huyện Cẩm Xuyên	Cái	1	3.000.000	3.000.000
	Mặt trận tổ quốc Thị xã Kỳ Anh	Cái	1	3.679.000	3.679.000
	Mặt trận tổ quốc Thị xã Kỳ Anh	Cái	28	2.912.000	81.536.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	3	3.500.000	10.500.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	2	1.200.000	2.400.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	1	4.000.000	4.000.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	1	4.000.000	4.000.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	1	5.000.000	5.000.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	1	5.000.000	5.000.000
7	**Bàn hội trường**				
	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Đức Thọ	Chiếc	10	5.500.000	55.000.000
	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế	Cái	6	2.463.400	14.780.400
III	**Ghế họp, tiếp khách, làm việc**				
1	**Ghế làm việc**				
1.1	**Ghế làm việc GLV01**	Cái	44	580.000	25.520.000

	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Nghi Xuân	cái	12		
	UBND xã Xuân Liên huyện Nghi Xuân	Cái	5		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Giáo dục- Đào tạo)	cái	5		
	Văn phòng HĐND&UBND thị xã Kỳ Anh	cái	1		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Tài chính - Kế hoạch)	cái	1		
	Hội đồng BT- HT-GPMB Thị xã Kỳ Anh	cái	6		
	Văn phòng HĐND - UBND huyện Cẩm Xuyên	cái	1		
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	cái	10		
	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế	Cái	3		
1.2	**Ghế làm việc GLV02**	Cái	4	890.000	3.560.000
	Văn phòng Huyện Ủy Cẩm Xuyên		4		
1.3	**Ghế làm việc GLV03**	Cái	4	2.940.000	11.760.000
	UBND thị xã Kỳ Anh(Thanh tra)		2		
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ		2		
1.4	**Ghế làm việc GLV04**	Cái	2	5.150.000	10.300.000
	Đài phát thanh và truyền hình Hà Tĩnh		2		
2	**Ghế họp**				
2.1	**Ghế gấp GH01**	Cái	40	480.000	19.200.000
	UBND xã Phú Gia huyện Hương Khê	Cái	19		

	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	21		
2.2	**Ghế họp khác**				
	Mặt trận tổ quốc Thị xã Kỳ Anh	Cái	159	980.000	155.820.000
	Mặt trận tổ quốc Thị xã Kỳ Anh	Cái	6	980.000	5.880.000
	Mặt trận tổ quốc Thị xã Kỳ Anh	Cái	6	1.500.000	9.000.000
	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị - huyện Đức Thọ	Cái	200	950.000	190.000.000
	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế	Cái	100	572.250	57.225.000
IV	**Tủ đựng tài liệu**	Cái			
1	**Tủ đựng tài liệu TTT01**	Cái	6	4.750.000	28.500.000
	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế	Cái	6		
2	**Tủ đựng tài liệu TTL04**	Cái	21	2.940.000	61.740.000
	UBND xã Xuân Liên huyện Nghi Xuân	Cái	5		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Tài chính - Kế hoạch)	Cái	2		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Giáo dục- Đào tạo)	Cái	2		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Văn phòng HĐND&UBND)	Cái	1		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Y tế)	Cái	1		
	Hội đồng BT- HT-GPMB Thị xã Kỳ Anh	Cái	8		
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Tài nguyên - Môi trường)	Cái	1		
	Văn phòng HĐND - UBND huyện Cẩm Xuyên	Cái	1		

3	**Tủ đựng tài liệu TTL05**	Cái	24	4.150.000	99.600.000
	UBND thị xã Kỳ Anh (Phòng Lao động-TBXH)	Cái	2		
	Hội đồng BT- HT-GPMB Thị xã Kỳ Anh	Cái	3		
	Văn phòng Huyện Ủy Cẩm Xuyên	Cái	4		
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật - sở Y tế	Cái	8		
	Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Vũ Quang	cái	1		
	Phòng Nông nghiệp huyện Vũ Quang	cái	2		
	Văn phòng HĐND - UBND huyện Vũ Quang	cái	1		
	Phòng Lao động huyện Vũ Quang	cái	1		
	Thanh tra huyện Vũ Quang	cái	2		
4	**Tủ tài liệu khác**				
	UBND xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên	Cái	1	3.000.000	3.000.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	13	2.500.000	32.500.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	6	2.000.000	12.000.000
	Văn phòng cấp ủy-chính quyền - huyện Đức Thọ	Cái	1	4.000.000	4.000.000
5	**Giá tài liệu**				
	Đài phát thanh và truyền hình Hà Tĩnh	Cái	1	1.400.000	1.400.000
	Tổng cộng:				**2.441.540.400**

Bằng chữ: (Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm đồng

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ THUỘC ĐỀ ÁN NÂNG CẤP TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MỘT SỐ TRUNG TÂM CHUYÊN GIA TUYẾN TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số: 109 /TTr-TrTTCC ngày 02/7/2019 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán *(đồng)*	Nguồn vốn mua sắm
I.	**Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm**				
1.	Hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm.	Hệ thống	01	1.850.000.000	Nguồn vốn DA nâng cấp trang thiết bị y tế một số trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh, được phân bổ tại Quyết định số 4102/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
2.	Hệ thống sắc ký khí GC/FID/ECD/MS	Bộ	1	5.920.000.000	
3.	Thiết bị làm khô mẫu bằng khí Nitơ	Bộ	01	215.000.000	
4.	Máy sắc ký phân tích ion (IC)	Cái	01	3.320.000.000	
5.	Máy quang phổ hồng ngoại	Hệ thống	01	1.950.000.000	
6.	Bộ chiết Soxhlet	Cái	01	345.000.000	
II.	**Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh**				
1.	Máy dập mẫu	Cái	01	135.000.000	Nguồn vốn DA nâng cấp trang thiết bị y tế một số trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh, được phân bổ tại Quyết định số 4102/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
2.	Bộ lọc nước 6 phễu	Bộ	01	234.000.000	
3.	Tủ sạch Clean bench	Cái	01	185.000.000	

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán *(đồng)*	Nguồn vốn mua sắm
4.	Máy đo thân nhiệt từ xa	Cái	01	2.350.000.000	
5.	Máy đo khí thải	Cái	01	195.000.000	
6.	Máy siêu âm di động	Cái	01	580.000.000	
7.	Máy đo loãng xương	Cái	01	1.840.000.000	
8.	Máy đo hơi khí độc hồng ngoại	Cái	01	315.000.000	
9.	Thiết bị đo ô nhiễm không khí	Cái	01	325.000.000	
	Tổng cộng			**19.759.000.000**	

Bằng chữ: (Mười chín tỷ, bảy trăm năm mươi chín triệu đồng)./.

PHỤ LỤC 03: DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ THUỘC ĐỀ ÁN CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC Y TẾ TUYẾN XÃ

(Kèm theo Tờ trình số: 110 /TTr-TrTTCC ngày 02/7/2019 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán *(đồng)*	Nguồn vốn mua sắm
I.	**BVĐK huyện Thạch Hà**				
1.	Máy X-quang kỹ thuật số 2 tấm nhận	Cái	01	2.963.233.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
II.	**BV Phục hồi chức năng**				
1.	Thủy trị liệu tứ chi	Cái	01	898.500.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
III.	**BV Mắt**				
1.	Máy chụp cắt lớp võng mạc	Cái	01	1.936.950.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
IV.	**BVĐK huyện Đức Thọ**				
1.	Máy phẫu thuật Phaco	Cái	01	1.788.089.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
V.	**BVĐK huyện Hương Sơn**				
1.	Máy khoan xương	Cái	01	500.000.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
2.	Dao điện	Cái	01	600.000.000	
VI.	**BVĐK huyện Nghi Xuân**				
1.	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Cái	01	909.800.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
2.	Bộ đèn mổ	Bộ	01	488.500.000	

VII.	**BV tỉnh**				
1.	Máy đo chức năng hô hấp (có tính năng đo kháng lực đường thở bằng phương pháp dao động xung ký)	Cái	01	1.424.899.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
VIII.	**BVĐK huyện Vũ Quang**				
1.	Máy kéo giãn cột sống	Cái	01	344.500.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
2.	Hệ thống tập phục hồi chức năng toàn thân	Hệ thống	01	80.000.000	
3.	Thiết bị tập khớp háng, khớp gối, cổ chân (CPM)	Cái	01	400.000.000	
IX.	**BVĐK TX Kỳ Anh**				
1.	Máy phẫu thuật Phaco	Cái	01	1.788.089.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
X.	**BV Y học cổ truyền**				
1.	Máy nội soi tai mũi họng	Cái	01	344.500.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
2.	Máy siêu âm điều trị	Cái	01	110.000.000	
3.	Buồng o xy cao áp	Cái	01	1.400.000.000	
XI.	**BVĐK huyện Cẩm Xuyên**				
1.	Máy sắc thuốc đóng gói tự động	Cái	01	100.000.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
2.	Máy điện tim	Cái	01	90.000.000	
3.	Máy kéo giãn cột sống	Cái	01	344.500.000	

4.	Bộ đèn mổ	Bộ	01	488.500.000	
XII.	**BV ĐK huyện Can Lộc**				
1.	Bộ dụng cụ mổ nội soi tiết niệu	Bộ	01	784.850.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
XIII.	**BVĐK huyện Lộc Hà**				
1.	Máy phẫu thuật Phaco	Cái	01	1.788.089.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
2.	Máy nội soi tai mũi họng	Cái	01	344.500.000	
XIV.	**BVĐK huyện Hương Khê**				
1.	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	Cái	01	1.989.000.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
2.	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Cái	01	323.600.000	
XV.	**BVĐK thành phố Hà Tĩnh**				
1.	Máy siêu âm Doppler màu 4 đầu dò	Cái	01	3.520.000.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
XVI.	**BV Phổi**				
1.	Máy xét nghiệm máu lắng	Cái	01	179.450.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
2.	Máy Monitor 5 thông số	Cái	01	150.000.000	
XVII.	**18 Trạm Y tế**				
1.	Máy siêu âm màu xách tay	Cái	18	4.410.000.000	NSNN (Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
	Tổng cộng			**30.489.549.000**	

Bằng chữ: (Ba mươi tỷ, bốn trăm tám mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng)./.

PHỤ LỤC 04: DANH MỤC TÀI SẢN THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo tờ trình số: 10 /TTr-TrTTCC ngày 02/7/2019 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)

STT	Danh mục tài sản/ đơn vị sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*	Nguồn vốn mua sắm
B.	**Tài sản mua sắm chuyên dùng**				**33.784.000.000**	
I.	**BVĐK Đức Thọ**				**3.385.000.000**	
1.	Máy đo loãng xương toàn thân	Cái	1	880.000.000	880.000.000	NSNN (Quyết định số 290/QĐ-SYT ngày 11/02//2019)
2.	Máy siêu âm Doppler màu 4D	Cái	1	1.690.000.000	1.690.000.000	NSNN (Quyết định số 290/QĐ-SYT ngày 11/02//2019)
3.	Máy điện não 28 kênh	Cái	1	635.000.000	635.000.000	NSNN (Quyết định số 290/QĐ-SYT ngày 11/02//2019)
4.	Máy siêu âm xách tay	Cái	1	180.000.000	180.000.000	NSNN (Quyết định số 290/QĐ-SYT ngày 11/02//2019)
II.	**Bệnh viện Thạch Hà**				**1.900.000.000**	
1.	Máy siêu âm doppler màu 3-4 chiều	Cái	1	1.900.000.000	1.900.000.000	NSNN (Quyết định số 302/QĐ-SYT ngày 11/02//2019)
II.	**Bệnh viện Nghi Xuân**				**2.317.400.000**	
1.	Máy nội soi TMH	Bộ	1	225.000.000	225.000.000	Ngân sách nhà nước theo QĐ số 296/QĐ-SYT ngày 11/02/2019
2.	Đầu dò siêu âm ổ bụng	Chiếc	1	195.000.000	195.000.000	Ngân sách nhà nước theo QĐ số 296/QĐ-SYT ngày 11/02/2020
3.	Máy đo nhãn áp cầm tay	Cái	1	276.000.000	276.000.000	Ngân sách nhà nước theo QĐ số 296/QĐ-SYT ngày 11/02/2022
4.	Moniter theo dõi bệnh nhân cấp cứu	Cái	2	149.500.000	299.000.000	Ngân sách nhà nước theo QĐ số 296/QĐ-SYT ngày 11/02/2025
5.	Máy điều trị sóng ngắn	Cái	1	178.000.000	178.000.000	Ngân sách nhà nước theo QĐ số 296/QĐ-SYT ngày 11/02/2026

6.	Hamer nạo VA	Bộ	1	798.000.000	798.000.000	Ngân sách nhà nước theo QĐ số 296/QĐ-SYT ngày 11/02/2027
7.	Bộ phẫu thuật sản khoa	Bộ	1	173.900.000	173.900.000	Ngân sách nhà nước theo QĐ số 296/QĐ-SYT ngày 11/02/2028
8.	Thiết bị nấu parafin	Bộ	1	172.500.000	172.500.000	Ngân sách nhà nước theo QĐ số 296/QĐ-SYT ngày 11/02/2029
IV.	**Bệnh viện ĐK Thành phố**				**2.050.000.000**	
1.	Hệ thống máy phẫu thuật Phaco	Hệ thống	1	1.900.000.000	1.900.000.000	NSNN (Quyết định số 291/QĐ-SYT ngày 11/02//2019), Quỹ phát triển HĐSN
2.	Bộ dụng cụ phẫu thuật phaco	Bộ	1	150.000.000	150.000.000	NSNN (Quyết định số 291/QĐ-SYT ngày 11/02//2019), Quỹ phát triển HĐSN
V.	**Bệnh viện Vũ Quang**				**1.830.000.000**	
1.	Máy trị liệu nhiệt sóng ngắn	Cái	1	450.000.000	450.000.000	Nguồn không tự chủ năm 2019, QĐ số 303/QĐ-SYT ngày 11/02/2019
2.	Máy từ trường trị liệu toàn	Cái	1	360.000.000	360.000.000	Nguồn không tự chủ năm 2019, QĐ số 303/QĐ-SYT ngày 11/02/2019
3.	Máy laser trị liệu	Cái	1	170.000.000	170.000.000	Nguồn không tự chủ năm 2019, QĐ số 303/QĐ-SYT ngày 11/02/2019
4.	Thiết bị nấu paraffin	Cái	1	150.000.000	150.000.000	Nguồn không tự chủ năm 2019, QĐ số 303/QĐ-SYT ngày 11/02/2019

5.	Máy điều trị sóng xung kích	Cái	1	700.000.000	700.000.000	Nguồn không tự chủ năm 2019, QĐ số 303/QĐ-SYT ngày 11/02/2019
VI.	**Bệnh viện Hương Sơn**				**2.080.000.000**	
1.	Máy gây mê kèm thở	Cái	1	900.000.000	900.000.000	NSNN (Quyết định số 293/QĐ-SYT ngày 11/02/2019)
2.	Máy điện não vi tính	Cái	1	330.000.000	330.000.000	NSNN (Quyết định số 293/QĐ-SYT ngày 11/02/2019)
3.	Đèn mổ LED treo trần 2 nhánh	Cái	1	400.000.000	400.000.000	NSNN (Quyết định số 293/QĐ-SYT ngày 11/02/2019)
4.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	3	150.000.000	450.000.000	NSNN (Quyết định số 293/QĐ-SYT ngày 11/02/2019)
VII.	**BV Cẩm Xuyên**				**5.475.000.000**	
1.	Máy xét nghiệm miễn dịch	Cái	1	1.945.000.000	1.945.000.000	NSNN (Quyết định số 289/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
2.	Máy nội soi tử cung	Cái	1	350.000.000	350.000.000	NSNN (Quyết định số 289/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
3.	Máy áp lạnh cổ tử cung	Cái	1	80.000.000	80.000.000	NSNN (Quyết định số 289/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
4.	Mornitor theo dõi bệnh nhân	Cái	3	750.000.000	750.000.000	NSNN (Quyết định số 289/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
5.	Máy xét nghiệm đông máu bán tự động	Cái	1	150.000.000	150.000.000	NSNN (Quyết định số 289/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
6.	Máy siêu âm màu 4D	Cái	1	2.200.000.000	2.200.000.000	NSNN (Quyết định số 289/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
VII.	**BV Lộc Hà**				**1.900.000.000**	
1.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân, Nihon Kohden	Cái	2	150.000.000	300.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
2.	Máy Điện tim -Nihon Kohden, 3 cần	Cái	2	50.000.000	100.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
3.	Máy đo lưu huyết não	cái	1	300.000.000	300.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)

4.	Máy xét nghiệm đông máu	Cái	1	150.000.000	150.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
5.	Máy xét nghiệm nước tiểu	Cái	1	80.000.000	80.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
6.	Máy xét nghiệm huyết học	Cái	1	300.000.000	300.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
7.	Máy xét nghiệm HP Bằng hơi thở	Cái	1	280.000.000	280.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
8.	Bộ dụng cụ tập	Bộ	1	180.000.000	180.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
9.	Nồi đun parafin, 50 lít, có van xả	Cái	1	50.000.000	50.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/2/2019)
10.	Bàn bó bột-Kéo xương nhiều chức năng	Cái	1	50.000.000	50.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/02/2019)
11.	Giường bệnh nhân đa năng chạy điện	Cái	2	55.000.000	110.000.000	NSNN (Quyết định số 295/QĐ-SYT ngày 11/02/2019)
IX.	**BV TX Kỳ Anh**				**5.668.000.000**	
1.	Máy thở	Cái	1	750.000.000	750.000.000	NSNN theo Quyết định số 294/QĐ-SYT
2.	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiết niệu	Cái	1	2.368.000.000	2.368.000.000	NSNN theo Quyết định số 294/QĐ-SYT
3.	Dây nội soi dạ dày, tá tràng ống mềm	Cái	1	550.000.000	550.000.000	NSNN theo Quyết định số 294/QĐ-SYT
4.	Máy xử lý mô tự động kiểu xoay tròn	Cái	1	950.000.000	950.000.000	NSNN theo Quyết định số 294/QĐ-SYT
5.	Máy cắt vi thể	Cái	1	400.000.000	400.000.000	NSNN theo Quyết định số 294/QĐ-SYT
6.	Máy đúc nến	Cái	1	650.000.000	650.000.000	NSNN theo Quyết định số 294/QĐ-SYT
X.	**BV TX Hồng Lĩnh**				**3.420.000.000**	

1.	Máy siêu âm AFFINITI 70	Cái	1	3.420.000.000	3.420.000.000	NSNN theo Quyết định số 301/QĐ-SYT và nguồn thu BHYT, nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
XI.	**BV Can Lộc**				**1.900.000.000**	
1.	**Máy xét nghiệm sinh hóa tự động HTI BIOCHEM FC 360 - USA**	Bộ	01	1.400.000.000	1.400.000.000	QĐ số 288/QĐ – SYT ngày 11/02/2019
2.	**Máy phân tích huyết học tự động 20 thông số**	Bộ	02	250.000.000	500.000.000	QĐ số 288/QĐ – SYT ngày 11/02/2019
XII.	**BV Hương Khê**				**1.882.000.000**	
1.	Hệ thống tiệt khuẩn công nghệ plasma	Cái	1	700.000.000	700.000.000	NSNN theo Quyết định số 292/QĐ-SYT
2.	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Cái	1	323.600.000	323.600.000	NSNN theo Quyết định số 292/QĐ-SYT
3.	Máy chụp X quang cận chóp	Cái	1	153.000.000	153.000.000	NSNN theo Quyết định số 292/QĐ-SYT
4.	Máy khí dung	Cái	2	22.000.000	44.000.000	NSNN theo Quyết định số 292/QĐ-SYT
5.	Máy monitor theo dõi chức năng sống trẻ sơ sinh	Cái	1	210.000.000	210.000.000	NSNN theo Quyết định số 292/QĐ-SYT
6.	Máy điện xung đa năng	Cái	2	85.000.000	170.000.000	NSNN theo Quyết định số 292/QĐ-SYT
7.	Máy châm cứu đa năng	Cái	5	1.600.000	8.000.000	NSNN theo Quyết định số 292/QĐ-SYT
8.	Máy Sắc thuốc liên hoàn	Cái	1	250.000.000	250.000.000	NSNN theo Quyết định số 292/QĐ-SYT
	Tổng cộng (A+B)				**33.784.000.000**	

Bằng chư: (Ba mươi ba tỷ, bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng)./.